

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 27



## CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Đường 2B, Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quyết Thắng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2013)
Ông Bùi Hữu Dương	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2013)
	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2013)
Ông Đặng Đình Bính	Thành viên
Ông Vũ Quốc Minh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2013)
Ông Bùi Trường Định	Thành viên
Ông Trần Đức Minh	Thành viên
Ông Đỗ Tấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2013)

##### Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Minh	Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2013)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Trần Đức Minh  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2014



Số: 257 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 02 năm 2014, từ trang 3 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán Viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu báo cáo tài chính năm 2012 theo Biên bản kiểm toán ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Kiểm toán nhà nước về báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 24 tháng 02 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1503-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>363.790.407.539</b>	<b>345.545.463.977</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>80.768.253.565</b>	<b>51.438.307.624</b>
1. Tiền	111		10.768.253.565	35.621.283.811
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	15.817.023.813
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>300.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		300.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>128.166.102.102</b>	<b>143.502.651.772</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	7.619.766.941	35.806.891.238
2. Trả trước cho người bán	132		29.548.776.180	2.287.344.171
3. Các khoản phải thu khác	135	8	90.997.558.981	105.408.416.363
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>117.375.191.154</b>	<b>142.104.496.130</b>
1. Hàng tồn kho	141		119.908.014.511	144.935.948.604
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.532.823.357)	(2.831.452.474)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.180.860.718</b>	<b>8.500.008.451</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.423.143.918	947.110.437
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.592.647.162	1.846.313.237
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	29.165.069.638	5.706.584.777
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+260)	<b>200</b>		<b>342.868.650.998</b>	<b>436.772.625.635</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>338.505.213.542</b>	<b>424.297.059.281</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	338.505.213.542	424.273.725.941
- Nguyên giá	222		570.370.894.505	569.760.030.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(231.865.680.963)	(145.486.304.597)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	23.333.340
- Nguyên giá	228		268.724.400	281.724.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(268.724.400)	(258.391.060)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.363.437.456</b>	<b>12.475.566.354</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.363.437.456	12.374.745.198
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	100.821.156
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>706.659.058.537</b>	<b>782.318.089.612</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỎNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Đường 2B, Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>395.953.529.061</b>	<b>476.300.843.181</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>213.002.894.041</b>	<b>283.865.112.386</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	80.750.996.073	99.889.537.975
2. Phải trả người bán	312	15	52.047.159.652	49.089.905.236
3. Người mua trả tiền trước	313	16	60.065.736.714	99.195.312.057
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	4.478.022.460	8.910.096.919
5. Phải trả người lao động	315		3.533.372.720	1.365.046.538
6. Chi phí phải trả	316	18	5.782.337.732	21.493.433.042
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	5.702.238.045	3.580.246.731
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		643.030.645	341.533.888
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>182.950.635.020</b>	<b>192.435.730.795</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	100.869.612.097	162.178.073.873
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337	21	82.081.022.923	30.257.656.922
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>310.705.529.476</b>	<b>306.017.246.431</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>310.705.529.476</b>	<b>306.017.246.431</b>
1. Vốn điều lệ	411		215.999.980.000	215.999.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.850.000.000	9.850.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		749.682.804	749.682.804
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.946.159.798	4.087.113.915
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		78.159.706.874	75.330.469.712
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>706.659.058.537</b>	<b>782.318.089.612</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Ngoại tệ các loại

Đồng Đô la Mỹ (USD)

Đồng Euro (EUR)

31/12/2013

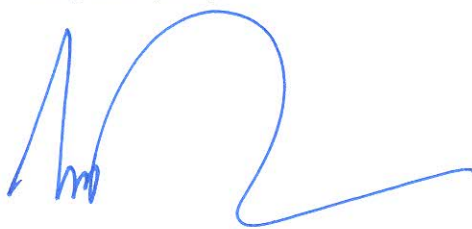
31/12/2012

6.817,04

120.319,53

487,37

487,37


Cao Nhất Trung  
Người lập biểu

Nguyễn Công Chương  
Kế toán trưởng

Trần Đức Minh  
Giám Đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		533.019.811.983	887.610.994.460
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	533.019.811.983	887.610.994.460
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	418.670.328.447	722.663.634.427
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		114.349.483.536	164.947.360.033
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.574.416.405	2.947.116.960
7. Chi phí tài chính	22	28	21.348.773.699	49.809.986.695
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.122.561.743	47.120.828.235
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.000.436.864	17.732.571.739
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25))	30		77.574.689.378	100.351.918.559
10. Thu nhập khác	31		791.636.952	1.399.113.615
11. Chi phí khác	32		118.621.471	2.054.768.639
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		673.015.481	(655.655.024)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		78.247.704.859	99.696.263.535
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	19.461.105.058	14.533.334.112
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		100.821.156	4.211.505.594
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		58.685.778.645	80.951.423.829
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.717	3.748

Cao Nhất Trung  
Người lập biểu

Nguyễn Công Chương  
Kế toán trưởng



Trần Đức Minh  
Giám Đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Đường 2B, Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013		2012	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>78.247.704.859</b>		<b>99.696.263.535</b>	
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>					
- Khấu hao tài sản cố định	02	87.894.664.020		97.095.864.168	
- Các khoản dự phòng	03	(298.629.117)		2.831.452.474	
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(376.089.219)		(182.261.916)	
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.148.887.807)		(2.593.669.471)	
- Chi phí lãi vay	06	18.122.561.743		47.120.828.235	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>181.441.324.479</b>		<b>243.968.477.025</b>	
- Biến động các khoản phải thu	09	(11.868.269.116)		50.668.982.817	
- Biến động hàng tồn kho	10	25.128.755.249		157.304.682.048	
- Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	16.550.373.504		(109.340.731.538)	
- Biến động chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	(1.476.033.481)		6.715.081.131	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(18.793.182.715)		(45.438.164.078)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(24.642.345.437)		(13.283.668.446)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.848.503.243)		(4.103.272.282)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>160.492.119.240</b>		<b>286.491.386.677</b>	
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.856.853.636)		(29.734.012.257)	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(300.000.000)		-	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.148.887.807		2.593.669.471	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.007.965.829)</b>		<b>(27.140.342.786)</b>	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	38.303.950.847		96.809.284.943	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(121.279.010.717)		(317.919.675.994)	
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(47.179.147.600)		(22.895.997.880)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(130.154.207.470)</b>		<b>(244.006.388.931)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>29.329.945.941</b>		<b>15.344.654.960</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>51.438.307.624</b>		<b>36.104.294.734</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	70	-		(10.642.070)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>80.768.253.565</b>		<b>51.438.307.624</b>	


Cao Nhất Trung  
Người lập biểu

Nguyễn Công Chương  
Kế toán trưởngTrần Đức Minh  
Giám Đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600393680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 8 năm 2009 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 31 tháng 8 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0600393680 thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 4 năm 2013, Công ty chính thức thay đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (tên viết tắt là "PVID") thành Công ty Cổ phần Bọc ớng Dầu khí Việt Nam (tên viết tắt là "PV COATING"). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PVB vào ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 209 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 217 người).

#### Hoạt động chính

- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, gia tải đường ống;
- Đầu tư xây dựng và khai thác phát triển Khu liên hợp công nghiệp đô thị và dịch vụ;
- Đầu tư xây dựng, khai thác hạ tầng, cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi, máy thiết bị thi công;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí;
- Thi công các công trình xây dựng; và
- Kinh doanh bất động sản.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

#### Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và dự phòng phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	5 – 12
Máy móc thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	8 – 9
Thiết bị quản lý	3 -5
Tài sản khác	3

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm của dự án bọc ống được tính khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong năm.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị website của Công ty và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Website và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí xây lắp, chi phí nguyên vật liệu, chi phí quản lý và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí đào tạo nguồn nhân lực vận hành nhà máy bọc ống phát sinh trước khi Công ty đi vào hoạt động, thiết bị văn phòng, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian phù hợp với các quy định hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC**

Trong năm 2013, Ban Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu báo cáo tài chính năm 2012 căn cứ theo yêu cầu tại Biên bản kiểm toán ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Kiểm toán nhà nước về báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
		VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
1. Hàng tồn kho	141	142.413.686.725	144.935.948.604	2.522.261.879
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(13.615.677.925)	(2.831.452.474)	10.784.225.451
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.620.793.145	5.706.584.777	1.085.791.632
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.154.675.577	8.910.096.919	4.755.421.342
5. Chi phí phải trả	316	31.665.695.320	21.493.433.042	(10.172.262.278)
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337	32.667.463.284	30.257.656.922	(2.409.806.362)
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	53.111.543.452	75.330.469.712	22.218.926.260
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
1. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	749.802.053.085	722.663.634.427	(27.138.418.658)
2. Chi phí tài chính	22	49.645.915.639	49.809.986.695	164.071.056
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	72.721.915.933	99.696.263.535	26.974.347.602
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	9.777.912.770	14.533.334.112	4.755.421.342
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	58.732.497.569	80.951.423.829	22.218.926.260
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.719	3.748	1.029
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	72.721.915.933	99.696.263.535	26.974.347.602
2. Các khoản dự phòng	03	13.615.677.925	2.831.452.474	(10.784.225.451)
3. Biến động các khoản phải thu	09	51.754.774.449	50.668.982.817	(1.085.791.632)
4. Biến động hàng tồn kho	10	159.826.943.927	157.304.682.048	(2.522.261.879)
5. Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(96.758.662.898)	(109.340.731.538)	(12.582.068.640)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	78.434.378	17.964.116
Tiền gửi ngân hàng	10.689.819.187	35.603.319.695
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	15.817.023.813
	<u><b>80.768.253.565</b></u>	<u><b>51.438.307.624</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 6,3%/năm đến 7%/năm.

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các bên có liên quan (xem Thuyết minh 33)	7.619.766.941	35.682.026.498
Các bên thứ ba	-	124.864.740
	<u><b>7.619.766.941</b></u>	<u><b>35.806.891.238</b></u>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các bên có liên quan (xem Thuyết minh 33)	88.945.879.359	76.177.999.518
Các bên thứ ba	2.051.679.622	29.230.416.845
	<u><b>90.997.558.981</b></u>	<u><b>105.408.416.363</b></u>

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản doanh thu đã hoàn thành trong năm nhưng chưa xuất hóa đơn cho khách hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Hàng đang đi đường	28.783.016.775	-
Nguyên vật liệu	71.784.116.256	106.848.131.055
Công cụ, dụng cụ	7.246.445.983	7.639.980.002
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.094.435.497	30.447.837.547
<b>Cộng</b>	<u><b>119.908.014.511</b></u>	<u><b>144.935.948.604</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.532.823.357)	(2.831.452.474)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u><b>117.375.191.154</b></u>	<u><b>142.104.496.130</b></u>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản tạm ứng của Cán bộ, công nhân viên	312.480.838	3.127.847.058
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	28.852.588.800	1.492.946.087
Phải thu khác chờ xử lý	-	1.085.791.632
	<u><b>29.165.069.638</b></u>	<u><b>5.706.584.777</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Nhà xưởng</u> <u>VND</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u> <u>VND</u>	<u>Phương tiện vận tải</u> <u>VND</u>	<u>Thiết bị quản lý</u> <u>VND</u>	<u>Tài sản khác</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	107.440.348.958	388.847.154.624	71.113.509.831	2.060.487.698	298.529.427	569.760.030.538
Mua sắm mới	144.943.000	2.293.719.000	-	323.691.636	94.500.000	2.856.853.636
Phân loại lại theo Thông tư 45/2013	(176.262.900)	(601.620.527)	-	(1.437.833.515)	(30.272.727)	(2.245.989.669)
Tại ngày 31/12/2013	<u>107.409.029.058</u>	<u>390.539.253.097</u>	<u>71.113.509.831</u>	<u>946.345.819</u>	<u>362.756.700</u>	<u>570.370.894.505</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	20.832.946.351	109.638.120.998	13.433.274.236	1.506.955.484	75.007.528	145.486.304.597
Khấu hao trong năm	10.661.420.050	68.920.325.969	7.890.176.137	328.595.646	70.812.878	87.871.330.680
Phân loại lại theo Thông tư 45/2013	-	(263.013.922)	-	(1.219.781.800)	(9.158.592)	(1.491.954.314)
Tại ngày 31/12/2013	<u>31.494.366.401</u>	<u>178.295.433.045</u>	<u>21.323.450.373</u>	<u>615.769.330</u>	<u>136.661.814</u>	<u>231.865.680.963</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>75.914.662.657</u></u>	<u><u>212.243.820.052</u></u>	<u><u>49.790.059.458</u></u>	<u><u>330.576.489</u></u>	<u><u>226.094.886</u></u>	<u><u>338.505.213.542</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>86.607.402.607</u></u>	<u><u>279.209.033.626</u></u>	<u><u>57.680.235.595</u></u>	<u><u>553.532.214</u></u>	<u><u>223.521.899</u></u>	<u><u>424.273.725.941</u></u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư Dự án “Nhà máy boc ồng” tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 64.056.633.846 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 35.115.100.192 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Website Công ty VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	248.050.000	33.674.400	281.724.400
Phân loại lại theo Thông tư 45/2013	(13.000.000)	-	(13.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	<u>235.050.000</u>	<u>33.674.400</u>	<u>268.724.400</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	224.716.660	33.674.400	258.391.060
Khấu hao trong năm	23.333.340	-	23.333.340
Phân loại lại theo Thông tư 45/2013	(13.000.000)	-	(13.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	<u>235.050.000</u>	<u>33.674.400</u>	<u>268.724.400</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>23.333.340</u>	<u>-</u>	<u>23.333.340</u>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	12.374.745.198	19.089.826.329
Tăng trong năm	1.611.452.343	7.113.704.641
Phân bổ vào chi phí trong năm	(9.622.760.085)	(13.828.785.772)
Số dư cuối năm	<u>4.363.437.456</u>	<u>12.374.745.198</u>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	-	20.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	80.750.996.073	79.889.537.975
<i>Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu</i>	70.874.996.073	70.013.537.975
<i>Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ</i>	9.876.000.000	9.876.000.000
	<u>80.750.996.073</u>	<u>99.889.537.975</u>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các bên có liên quan (xem Thuyết minh 33)	2.508.243.593	4.881.002.882
Các bên thứ ba	49.538.916.059	44.208.902.354
	<u>52.047.159.652</u>	<u>49.089.905.236</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các bên có liên quan (xem Thuyết minh 33)	60.065.736.714	99.195.312.057
	<u><b>60.065.736.714</b></u>	<u><b>99.195.312.057</b></u>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.406.279.255	8.565.138.624
Thuế thu nhập cá nhân	152.354.489	344.958.295
Thuế nhà thầu nước ngoài	919.388.716	-
	<u><b>4.478.022.460</b></u>	<u><b>8.910.096.919</b></u>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí của các Dự án đã thực hiện	1.385.003.781	16.499.254.401
Trả lãi vay	1.176.114.241	1.846.735.213
Mua sắm Tài sản cố định	2.703.657.212	2.703.657.212
Sửa chữa lớn Tài sản cố định	517.562.498	-
Các khoản chi phí trích trước khác	-	443.786.216
	<u><b>5.782.337.732</b></u>	<u><b>21.493.433.042</b></u>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện	-	2.207.624.188
Cổ tức phải trả	-	97.308.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.702.238.045	1.275.314.543
	<u><b>5.702.238.045</b></u>	<u><b>3.580.246.731</b></u>

**20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	88.594.612.097	140.027.073.873
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ	12.275.000.000	22.151.000.000
	<u><b>100.869.612.097</b></u>	<u><b>162.178.073.873</b></u>

Công ty vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu với hạn mức vay là 69.164.982.000 đồng và 15.383.000 Đô la Mỹ để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy bọc ống tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần với thời hạn tối đa 78 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng Đồng Việt Nam. Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị đầu tư dự án này và một số tài sản cố định khác của Công ty làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số tiền dư nợ vay là 15.155.137.138 đồng và 3.476.425 Đô la Mỹ (trương đương với 73.439.474.958 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Công ty vay trung hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi Nhánh Phú Mỹ với hạn mức vay lần lượt là 24.649.505.000 đồng và 21.700.00.000 đồng. Các khoản vay sẽ được thanh toán ba tháng một lần với thời hạn tối đa 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Các khoản vay chịu lãi suất trong năm 2013 là từ 12,5%/năm đến 15,5%/năm, được thay đổi ba tháng một lần theo quy định của BIDV Phú Mỹ tại thời điểm thay đổi. Công ty đã thế chấp cầm cố tài sản cố định theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 02/2011/2930448/HĐ được ký ngày 09 tháng 11 năm 2011 với BVID Phú Mỹ để đảm bảo cho hợp đồng vay này và Công ty đã giải ngân toàn bộ số tiền vay nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số tiền dư nợ vay của các khoản vay nêu trên lần lượt là 3.675.000.000 đồng và 8.600.000.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	80.750.996.073	79.889.537.975
Trong năm thứ hai	80.750.996.073	79.889.537.975
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	20.118.616.024	82.288.535.898
	<b>181.620.608.170</b>	<b>242.067.611.848</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(80.750.996.073)</u>	<u>(79.889.537.975)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>100.869.612.097</u></b>	<b><u>162.178.073.873</u></b>

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoản trích trước chi phí bảo hành cho các dự án do Công ty thực hiện, hoàn thành và đã quyết toán với chủ đầu tư dự án trong năm 2013. Tỷ lệ trích lập dự phòng từ 3% - 5% giá trị của dự án thực hiện.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>215.999.980.000</b>	<b>9.850.000.000</b>	<b>22.126.088.980</b>	<b>2.381.830.559</b>	<b>1.415.594.636</b>	<b>251.773.494.175</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	80.951.423.829	-	-	80.951.423.829
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	(22.895.997.880)	-	-	(22.895.997.880)
Phân phối quỹ trong năm	-	-	(5.620.954.117)	2.320.954.117	-	(3.300.000.000)
Điều chỉnh quỹ trích lập trong năm 2011	-	-	769.908.900	(615.670.761)	(665.911.832)	(511.673.693)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>215.999.980.000</b>	<b>9.850.000.000</b>	<b>75.330.469.712</b>	<b>4.087.113.915</b>	<b>749.682.804</b>	<b>306.017.246.431</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	58.685.778.645	-	-	58.685.778.645
Chia cổ tức 2012	-	-	(47.519.995.600)	-	-	(47.519.995.600)
Phân phối quỹ trong năm	-	-	(5.009.045.883)	1.859.045.883	-	(3.150.000.000)
Điều chỉnh quỹ 2012	-	-	(3.000.000.000)	-	-	(3.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(327.500.000)	-	-	(327.500.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>215.999.980.000</b>	<b>9.850.000.000</b>	<b>78.159.706.874</b>	<b>5.946.159.798</b>	<b>749.682.804</b>	<b>310.705.529.476</b>

Theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 18 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012, cụ thể:

- Trích lập quỹ dự phòng tài chính là 2.940.000.000 đồng (đã tạm trích trong năm 2012 là 2.320.954.117 đồng)
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi là 6.000.000.000 đồng (đã tạm trích trong năm 2012 là 3.000.000.000 đồng)
- Thương Ban điều hành Công ty là 300.000.000 đồng (đã tạm trích trong năm 2012 là 300.000.000 đồng)
- Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 47.519.995.600 đồng.

Cũng theo Nghị quyết trên, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013. Theo đó, Công ty đã thực hiện việc tạm trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi với số tiền 3.000.000.000 đồng, quỹ dự phòng tài chính với số tiền 1.240.000.000 đồng, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với số tiền 190.000.000 đồng, quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền 150.000.000 đồng.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành  
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ phiếu	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	21.599.998	21.599.998
+ Cổ phần phổ thông	21.599.998	21.599.998
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	21.599.998	21.599.998
+ Cổ phần phổ thông	21.599.998	21.599.998
+ Cổ phần ưu đãi	-	-

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 215.999.980.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2013	31/12/2012
Tổng Công ty khí Việt Nam	165.240.000.000	76,5	165.240.000.000	165.240.000.000
Các cổ đông khác	50.759.980.000	23,5	50.759.980.000	50.759.980.000
	<b>215.999.980.000</b>	<b>100</b>	<b>215.999.980.000</b>	<b>215.999.980.000</b>

**23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bọc ống cho các Dự án đã ký kết với các khách hàng. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng dưới 10% trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu của Công ty có được là do dịch vụ bọc ống cho các khách hàng trong nước và không phát sinh doanh thu xuất khẩu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ÓNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	33.808.568.263	87.455.232.304
Hoạt động bọc ống	499.211.243.720	799.172.359.948
Hoạt động khác	-	983.402.208
	<u><b>533.019.811.983</b></u>	<u><b>887.610.994.460</b></u>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	33.519.063.282	87.057.354.295
Hoạt động bọc ống	385.151.265.165	634.773.017.728
Hoạt động khác	-	833.262.404
	<u><b>418.670.328.447</b></u>	<u><b>722.663.634.427</b></u>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	209.378.880.089	355.017.779.397
Chi phí nhân công	43.032.233.681	61.477.065.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.894.664.020	97.095.864.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.944.579.982	192.601.421.016
Chi phí khác	31.521.120.284	35.091.510.120
	<u><b>423.771.478.056</b></u>	<u><b>741.283.639.946</b></u>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.148.887.807	2.593.669.471
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.497.601	171.185.573
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	397.030.997	182.261.916
	<u><b>2.574.416.405</b></u>	<u><b>2.947.116.960</b></u>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.122.561.743	47.120.828.235
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	3.205.270.178	2.672.176.750
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20.941.778	16.981.710
	<u><b>21.348.773.699</b></u>	<u><b>49.809.986.695</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>78.247.704.859</b>	<b>99.696.263.535</b>
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	199.488.634
Chênh lệch doanh thu chưa thực hiện	(403.284.621)	(16.848.128.672)
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>77.844.420.238</b>	<b>83.047.623.497</b>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.461.105.058	20.761.905.874
Giảm 30% thuế theo Nghị định 60	-	6.228.571.762
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>19.461.105.058</u></b>	<b><u>14.533.334.112</u></b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	58.685.778.645	80.951.423.829
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>58.685.778.645</b>	<b>80.951.423.829</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	21.599.998	21.599.998
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.717</u></b>	<b><u>3.748</u></b>

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	3.208.198.687	2.892.003.637

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.237.961.364	3.958.054.545
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.684.443.182	8.467.690.000
Sau năm năm	37.882.716.667	83.574.400.000
	<b><u>47.805.121.213</u></b>	<b><u>96.000.144.545</u></b>

Khoản thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 70.000 m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với đơn giá 1,4 Đô la Mỹ/1m<sup>2</sup>. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 48 năm, kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2009.
- Tổng số tiền thuê 30.000 m<sup>2</sup> sân bãi tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với đơn giá thuê là 93.870.000 đồng/tháng nhằm phục vụ cho công tác bốc ồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2012.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỎNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	181.620.608.170	262.067.611.848
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	80.768.253.565	51.438.307.624
Nợ thuần	100.852.354.605	210.629.304.224
Vốn chủ sở hữu	310.705.529.476	306.017.246.431
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,32</u></b>	<b><u>0,69</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.768.253.565	51.438.307.624
Các khoản đầu tư ngắn hạn	300.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.617.325.922	141.215.307.601
Ký quỹ ngắn hạn	28.852.588.800	1.492.946.087
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>208.538.168.287</u></b>	<b><u>194.146.561.312</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	181.620.608.170	262.067.611.848
Phải trả người bán và phải trả khác	57.592.789.465	52.670.151.967
Chi phí phải trả	5.782.337.732	21.493.433.042
Dự phòng phải trả	82.081.022.923	30.257.656.922
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>327.076.758.290</u></b>	<b><u>366.488.853.779</u></b>

Công ty chưa đánh giá được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản).

**Quản lý rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau.

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	144.075.000	2.485.926.906	150.505.180.410	211.970.387.289
<i>Euro (EUR)</i>	13.402.688	13.339.081	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	(1.503.611.054)	(2.094.844.604)
<i>Euro (EUR)</i>	134.027	133.391

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

12500  
CHI NH  
CÔNG  
H NHIỆP  
E L O I  
VIỆT I  
TP.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 1.816.206.082 đồng (năm 2012: 2.620.676.118 đồng).

	<u>Tăng/(Giảm) lãi suất thả nổi</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	1%	1.816.206.082
VND	-1%	(1.816.206.082)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	1%	2.620.676.118
VND	-1%	(2.620.676.118)

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản phải thu của các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 33.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.768.253.565	-	80.768.253.565
Các khoản đầu tư ngắn hạn	300.000.000	-	300.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.617.325.922	-	98.617.325.922
Ký quỹ ngắn hạn	28.852.588.800	-	28.852.588.800
	<b>208.538.168.287</b>	<b>-</b>	<b>208.538.168.287</b>
<b>31/12/2013</b>			
Các khoản vay	80.750.996.073	100.869.612.097	181.620.608.170
Phải trả người bán và phải trả khác	57.592.789.465	-	57.592.789.465
Chi phí phải trả	5.782.337.732	-	5.782.337.732
Dự phòng phải trả	-	82.081.022.923	82.081.022.923
	<b>144.126.123.270</b>	<b>182.950.635.020</b>	<b>327.076.758.290</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>64.412.045.017</b>	<b>(182.950.635.020)</b>	<b>(118.538.590.003)</b>
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.438.307.624	-	51.438.307.624
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	141.215.307.601	-	141.215.307.601
Ký quỹ ngắn hạn	1.492.946.087	-	1.492.946.087
	<b>194.146.561.312</b>	<b>-</b>	<b>194.146.561.312</b>
<b>31/12/2012</b>			
Các khoản vay	99.889.537.975	162.178.073.873	262.067.611.848
Phải trả người bán và phải trả khác	52.670.151.967	-	52.670.151.967
Chi phí phải trả	21.493.433.042	-	21.493.433.042
Dự phòng phải trả	-	30.257.656.922	30.257.656.922
	<b>174.053.122.984</b>	<b>192.435.730.795</b>	<b>366.488.853.779</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>20.093.438.328</b>	<b>(192.435.730.795)</b>	<b>(172.342.292.467)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Dịch vụ cơ khí Hàng hải	Cùng Tập đoàn
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và bảo dưỡng Công trình Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Dịch Vụ Khí	Cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng Tập đoàn

<b>Bán hàng</b>	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Dịch vụ cơ khí Hàng hải	121.724.801.155	385.371.136.512
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	43.367.915.400	77.010.310.000
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	660.122.619	33.055.753.735
Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	3.636.363.636
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và bảo dưỡng Công trình Dầu khí	30.508.042.476	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	179.554.461.646	-

<b>Vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu</b>	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả tiền vay trong năm	53.233.249.871	46.723.112.381
Nhận tiền vay trong năm	-	9.149.284.943

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
Lương và phụ cấp	1.489.194.036	1.347.963.080



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

<b>Phải thu</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Tư vấn Quản lý Dự án Khí	82.302.400	-
Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long	1.452.235.724	-
Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	403.602.536	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	5.681.626.281	
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	-	35.555.636.111
Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	126.390.387
<i>Phải thu các bên có liên quan</i>	<i>7.619.766.941</i>	<i>35.682.026.498</i>
<i>Phải thu bên thứ ba</i>	<i>-</i>	<i>124.864.740</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.619.766.941</b>	<b>35.806.891.238</b>
<b>Phải thu khác</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	33.165.524.367
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	31.768.013.428	37.401.088.238
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	57.177.865.931	5.611.386.913
<i>Phải thu các bên có liên quan</i>	<i>88.945.879.359</i>	<i>76.177.999.518</i>
<i>Phải thu khác bên thứ ba</i>	<i>2.051.679.622</i>	<i>29.230.416.845</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>90.997.558.981</b>	<b>105.408.416.363</b>
<b>Phải trả</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Tư vấn quản lý Dự án Khí	-	3.387.360.142
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Khí	2.508.243.593	1.493.642.740
<i>Phải trả các bên có liên quan</i>	<i>2.508.243.593</i>	<i>4.881.002.882</i>
<i>Phải trả bên thứ ba</i>	<i>49.538.916.059</i>	<i>44.208.902.354</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>52.047.159.652</b>	<b>49.089.905.236</b>

00-002-  
NHÁNH  
G TY  
EM HUU  
DITTE  
NAM  
P.HOC



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản ứng trước	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	-	34.098.521.940
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	6.455.057.097	25.342.652.647
Công ty TNHH Dịch vụ cơ khí hàng hải PTSC	53.610.679.617	39.754.137.470
<i>Ứng trước từ các bên có liên quan</i>	<i>60.065.736.714</i>	<i>99.195.312.057</i>
<i>Ứng trước từ các bên thứ ba</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>60.065.736.714</u></b>	<b><u>99.195.312.057</u></b>

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Phải trả khác	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Tư vấn Quản lý Dự án Khí	4.387.360.142	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Khí	387.452.836	-
<i>Phải thu các bên có liên quan</i>	<i>4.774.812.978</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác bên thứ ba</i>	<i>927.425.067</i>	<i>3.580.246.731</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>5.702.238.045</u></b>	<b><u>3.580.246.731</u></b>

Các khoản vay	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	88.594.612.097	140.027.073.873
	<b><u>88.594.612.097</u></b>	<b><u>140.027.073.873</u></b>

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu trên báo cáo tài chính năm trước đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5.

Cao Nhất Trung  
Người lập biểu

Nguyễn Công Chương  
Kế toán trưởng



Trần Đức Minh  
Giám Đốc  
Ngày 24 tháng 02 năm 2014